

ĐIỀU TRA XÃ HỘI Ở CANADA

Hai mục tiêu chính của Điều tra xã hội ở Canada là thu thập số liệu mang tính xã hội để nghiên cứu những thay đổi về điều kiện sống và tình trạng sức khỏe của người dân Canada theo thời gian, và cung cấp thông tin về chính sách xã hội hiện tại hoặc các vấn đề cần phải quan tâm ngay.

Lịch sử thu thập số liệu ĐTXH ở Canada tính đến năm 2004 đã thực hiện gồm 18 chu kỳ với những thông tin dưới đây:

<u>Các chủ đề của ĐTXH</u>	<u>(Năm điều tra (chu kỳ điều tra số))</u>		
	<u>ĐT lần thứ 1</u>	<u>ĐT lần thứ 2</u>	<u>ĐT lần thứ 3</u>
Sức khỏe	1985 (1)	1991 (6)	-
Sử dụng thời gian	1986 (2)	1992 (7)	1998 (12)
Ngược đãi	1988 (3)	1993 (8)	1999 (13)
Giáo dục, việc làm và nghỉ hưu	1989 (4)	1994 (9)	-
Gia đình	1990 (5)	1995 (10)	2001 (15)
Trợ giúp xã hội	1985 (1)	1990 (5)	1996 (11)
Tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin	2000 (14)	-	-
Trợ giúp xã hội và già hoá	2002 (16)	-	-
Tham gia xã hội	2003 (17)	-	-

Thời gian phỏng vấn trung bình từ 35 - 40 phút. Mỗi cuộc điều tra có một chủ đề chính, các câu hỏi trọng điểm và giải thích rõ ràng, và một bộ các câu hỏi chuẩn về dân số - xã hội được sử dụng cho mục đích phân loại. Những chu kỳ điều tra gần đây cũng đã đưa thêm một số câu hỏi về chất lượng để thăm dò mặt nhận thức.

Dân số mục tiêu

Điều tra thu thập số liệu trong khoảng thời gian 12 tháng, đối tượng điều tra là các cá nhân sống trong các hộ gia đình của 10 tỉnh. Tất cả các chu kỳ ĐTXH (trừ chu kỳ thứ 6) đều chọn đối tượng điều tra là dân số từ

15 tuổi trở lên, riêng chu kỳ 16 chỉ chọn mẫu dân số từ 45 tuổi trở lên.

Đến năm 1998, quy mô mẫu xấp xỉ 10.000 người. Quy mô mẫu ĐTXH đã tăng lên 25.000 người trong năm 1999. Với quy mô mẫu là 25000 người, số liệu ước tính có giá trị cho cả cấp quốc gia và cấp tỉnh. Tuy thuộc vào chủ đề điều tra, quy mô mẫu được tăng lên cũng có đủ khả năng cho kết quả ước tính đối với các nhóm dân số nhỏ hơn như: nhóm người tàn tật, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm vị thành niên và nhóm người cao tuổi. Tuy nhiên, quy mô mẫu không đủ lớn để ước lượng cho các nhóm thổ dân.

Bảng 1: Quy mô mẫu điều tra xã hội

<u>Chu kỳ</u>	<u>Năm điều tra</u>	<u>Quy mô mẫu (hộ)</u>	<u>Nội dung chính</u>	<u>Vấn đề trung tâm</u>
1	1985	11200	Sức khỏe	Trợ giúp xã hội
2	1986	16390	Sử dụng thời gian, thay đổi xã hội	Ngôn ngữ
3	1988	9870	Nguy cơ cá nhân	Dịch vụ phục vụ nạn nhân
4	1989	9338	Giáo dục và việc làm	-
5	1990	13495	Gia đình và bạn bè	-
6	1991	11924	Sức khỏe	Các chủ đề về sức khỏe
7	1992	9815	Sử dụng thời gian	Văn hoá, thể thao và các hoạt động không được trả công
8	1993	10385	Nguy cơ cá nhân	Nghiện rượu và ma túy
9	1994	11876	Giáo dục, việc làm và nghỉ hưu	Quá độ về nghỉ hưu
10	1995	10749	Gia đình	Ảnh hưởng của hút thuốc
11	1996	12756	Trợ giúp xã hội	Sử dụng thuốc lá
12	1998	10749	Sử dụng thời gian	Tham gia thể thao/văn hoá
13	1999	25876	Ngược đãi	Vợ chồng/người già Lạm/dùng nhận thức
14	2000	25090	Kỹ thuật-máy vi tính và Internet	-
15	2001	24310	Lịch sử gia đình	-
16	2002	24870	Trợ giúp xã hội và già hoá	-
17	2003	25000 (e)	Tham gia xã hội	-
18	2004	25000 (e)	ngược đãi	-

(e) ước tính

1. Phương pháp thu thập số liệu

Phòng vấn qua điện thoại với sự trợ giúp của máy tính để thu thập số liệu ĐTXH. Phương pháp thu thập số liệu này hấp dẫn do có chi phí thu thập số liệu thấp hơn, và còn rất linh hoạt đối với thiết kế mẫu. Phạm vi điều tra có giá trị nếu số hộ gia đình không có điện thoại trong 10 tỉnh ở mức dưới 2%. Tỷ lệ trả lời trong các cuộc ĐTXH vào khoảng 80%.

Tuy nhiên, phỏng vấn qua điện thoại có một số trở ngại: không thuộc phạm vi hộ gia đình, tỷ lệ trả lời thấp thường tập trung ở các nhóm dân số có thu nhập và trình độ giáo dục thấp; tỷ lệ trả lời qua điện thoại có xu hướng thấp hơn so với phỏng vấn trực diện, và có những hạn chế về số lượng và loại số liệu thu thập. Các phương pháp thu thập thay thế có thể phù hợp hơn phỏng vấn qua điện thoại đối với các nhóm dân số cụ thể hoặc đối với các loại số liệu cụ thể.

Bảng 2. Tỷ lệ trả lời và từ chối trả lời trong ĐTXH (%)

Chu kỳ	Năm điều tra	Hộ gia đình từ chối trả lời	Đối tượng điều tra từ chối trả lời	Tỷ lệ trả lời
1	1985	6,5	1,3	83,4
2	1986	6,2	2,8	78,9
3	1988	6,0	1,2	82,4
4	1989	7,2	1,7	80,7
5	1990	10,3	2,4	75,8
6	1991	5,6	1,5	80,2
7	1992	7,3	4,0	76,8
8	1993	5,6	3,6	81,6
9	1994	5,9	4,5	81,2
10	1995	6,0	4,3	81,4
11	1996	5,0	2,4	85,3
12	1998	8,7	3,7	77,6
13	1999	6,6	2,8	81,3
14	2000	8,4	8,6	80,8
15	2001	6,9	3,1	80,9
16	2002	-	-	86,3
17	2003	-	-	78,0

2. Nội dung các cuộc điều tra

2.1. Điều tra y tế

Chu kỳ 1 (1985) và chu kỳ 6 (1991)

Chu kỳ 1, nội dung điều tra về sức khỏe gồm tình trạng ốm đau (chia theo thời gian dài và thời gian ngắn), chiều cao và cân nặng, các vấn đề về sức khỏe: hút thuốc, uống rượu, hoạt động thân thể, ngủ và sử dụng các loại dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Nội dung trọng điểm tập trung vào người già, trong đó có các mạng lưới trợ giúp tiềm năng, các hoạt động xã hội và các hoạt động trợ giúp nhận được.

Chu kỳ 6, lần đầu tiên lặp lại về chủ đề điều tra. Phần lớn nội dung của chu kỳ 6 lặp lại với chu kỳ 1 (1985). Tương tự như vậy,

những nội dung chủ yếu từ cuộc điều tra y tế (1978/1979) cũng giống nội dung điều tra chu kỳ 1. Ba cuộc điều tra này có thể được sử dụng để nghiên cứu sự thay đổi về tình trạng sức khỏe theo thời gian. Các nội dung trọng điểm là tiêm chủng phòng ngừa bệnh cúm và các phương pháp đo lường sức khỏe thuộc trách nhiệm của Tổ chức phúc lợi Y tế Canada và hệ thống phân loại tình trạng sức khỏe thuộc trách nhiệm của Phòng nghiên cứu phân tích của Cơ quan Thống kê Canada.

2.2. Điều tra sử dụng thời gian

Chu kỳ 2 (1986), Chu kỳ 7 (1992), và Chu kỳ 12 (1998)

Trong *Chu kỳ 2*, nội dung cơ bản về sử dụng thời gian và sự thay đổi xã hội gồm

các chủ đề về các hoạt động hàng ngày thực hiện mang tính cá nhân và hoạt động với những người khác, sự thay đổi trong các thể hệ và giữa các thế hệ, và tình trạng sức khoẻ cá nhân.

Nội dung cơ bản của *Chu kỳ 7* là sử dụng thời gian. Sử dụng phương pháp ghi nhật ký đã áp dụng ở *Chu kỳ 2*. Mã của các loại hoạt động được mở rộng hơn. Mục tiêu chính của điều tra là đo lường các hoạt động không được trả công trong đó có: làm việc nhà, chăm sóc con cái, các hoạt động tự nguyện. Các câu hỏi về tham gia các hoạt động thể thao và văn hoá cũng có trong điều tra và thuộc trách nhiệm của Cơ quan thể thao Canada, các tổ chức chính phủ và các tổ chức văn hoá khác.

Trong *Chu kỳ 12*, nội dung điều tra về sử dụng thời gian có bổ sung thêm các câu hỏi về hoạt động giúp đỡ người khác. Lần đầu tiên, phương pháp nhật ký được sử dụng thông qua phỏng vấn điện thoại có sự trợ giúp của máy tính. Các hoạt động do người phỏng vấn mã hoá trực tiếp theo số liệu thu thập được. Số liệu thu được tạo khả năng cho các nhà phân tích đo lường các loại công việc không được trả tiền như thời gian dành cho việc chăm sóc con cái, người già, hoạt động tự nguyện, thời điểm quyết định và chất lượng sống. Với trách nhiệm được giao cho Cơ quan thể thao Canada, các tổ chức chính phủ và các tổ chức văn hoá khác, sự tham gia các hoạt động văn hoá thể thao cũng được điều tra trong chu kỳ này. Đây là lần đầu tiên, người trả lời được hỏi về sự hài lòng và các chu kỳ sống.

2.3 Điều tra nguy cơ về sức khoẻ cá nhân

Chu kỳ 3 (1988) và Chu kỳ 8 (1993) và ngược đãi Chu kỳ 13 (1999)

Nội dung cơ bản của *Chu kỳ 3* chủ yếu tập trung về tai nạn và tội phạm. Nội dung điều tra thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp và về các loại dịch vụ đối với các nạn nhân của tội phạm. Điều tra xã hội năm 1993 có nội dung điều tra về nguy cơ cá nhân, trong đó thu thập cả thông tin về tai nạn và nạn nhân của tội phạm.

Nội dung trọng điểm của *Chu kỳ 8* về uống rượu và sử dụng ma tuý, theo đề nghị của Tổ chức tăng cường sức khoẻ của Canada. *Chu kỳ 8* mang tính lịch sử, đây là chu kỳ đầu tiên, điều tra xã hội thu thập số liệu theo phương pháp phỏng vấn qua điện thoại với sự trợ giúp của máy tính. Người phỏng vấn hỏi người trả lời các câu hỏi, sau đó nhập các câu trả lời trực tiếp vào máy tính. Việc hiệu chỉnh được lập trình trong chương trình phỏng vấn, nên đã giảm được số trường hợp cần hiệu đính sau khi thu thập thông tin.

Chu kỳ 13 là chu kỳ thứ ba thu thập thông tin về bản chất và quy mô nạn nhân của tội phạm. Nội dung của chu kỳ điều tra 13 là giải quyết hai lĩnh vực cần quan tâm đặc biệt. Thứ nhất, Cơ quan cố vấn pháp luật của Canada đưa ra 8 câu hỏi tình huống với mục đích đánh giá nhận thức của công chúng hướng tới việc lựa chọn hình thức bỏ tù. Mỗi tình huống được chỉ định ngẫu nhiên cho mỗi người trả lời. Thứ hai, nhóm làm việc liên bộ về bạo lực gia đình đưa ra các modul về bạo lực gia đình và ngược đãi người già. Đối tượng điều tra là những người giám mạnh dạn vạch trần bạo lực gia

đình hoặc ngược đãi người già. Người trả lời phải làm một bản báo cáo về ngược đãi, trong đó cung cấp những thông tin chi tiết về bản chất của sự ngược đãi.

2.4 Điều tra Giáo dục, việc làm và nghỉ hưu

Chu kỳ 4 (1989) và Chu kỳ 9 (1994)

Ba chủ đề chính thuộc nội dung điều tra *Chu kỳ 4* là việc làm và giáo dục trong nền kinh tế dịch vụ, công nghệ mới và nguồn nhân lực, và các xu thế nổi trội về giáo dục và việc làm. Điều tra cũng có một phần nhỏ về nhận thức và thái độ đối với khoa học và công nghệ.

Nội dung chính của *Chu kỳ 9* là về giáo dục, việc làm và nghỉ hưu, gồm quá độ về nghỉ hưu và các hoạt động sau nghỉ hưu, và một số câu hỏi về sử dụng máy tính. Trong cuộc điều tra này cũng có một số câu hỏi để đo lường sự thay đổi của xã hội, gồm các chủ đề đã điều tra ở chu kỳ 2.

Điều tra về Gia đình và bạn bè

Chu kỳ 5 (1990) và chu kỳ 10 (1995) và Lịch sử gia đình chu kỳ 15 (2001)

Nội dung cơ bản của *Chu kỳ 5* tập trung vào gia đình và bạn bè của người trả lời, mối quan hệ và sự tương tác giữa gia đình và bạn bè. Nội dung điều tra trích từ Điều tra lịch sử gia đình 1984 với các câu hỏi về lịch sử sinh đẻ và kết hôn, và phần trợ giúp xã hội của ĐTXH chu kỳ 1 (điều tra năm 1985). Do vậy có thể so sánh cả hai nội dung về lịch sử sinh đẻ và trợ giúp xã hội với các cuộc điều tra trước đây.

Chu kỳ 10 tập trung vào các gia đình Canada. Chủ đề điều tra về trợ giúp xã hội và mạng lưới xã hội, các chủ đề trong chu

kỳ điều tra 5. Cụ thể, chu kỳ 10 thu thập thông tin về gia đình và lịch sử, và tình trạng hôn nhân (kết hôn và các mối quan hệ về luật pháp nói chung), chăm sóc con cái, nghỉ trông con, nguồn gốc gia đình, ý định sinh con, các giá trị và thái độ đối với các lĩnh vực cụ thể của gia đình, và gián đoạn việc làm. Điều tra xã hội chu kỳ 10 còn có hai chủ đề trọng tâm là ảnh hưởng của khói thuốc lá đối với môi trường, và dịch vụ thời chiến, với dân số mục tiêu từ 55 tuổi trở lên.

Thời gian thu thập số liệu chu kỳ 15 từ tháng 2 đến tháng 12 năm 2001. Nội dung điều tra của chu kỳ 15 giống chu kỳ 10 với một số phần đã chỉnh sửa và phát triển. Thu thập thông tin về gia đình và lịch sử kết hôn, con cái, nguồn gốc gia đình, dự định sinh đẻ, các giá trị và quan điểm. Các câu hỏi về thu xếp tài chính và việc giám hộ giữa các cặp vợ chồng ly hôn/ ly thân được chỉnh sửa cho chu kỳ 15. Phần lịch sử giáo dục sử dụng các câu hỏi của chu kỳ 10. Phần việc làm sửa đổi về thời gian công tác. Một bộ câu hỏi về sự thay đổi cũng được bổ sung thêm vào phần các đặc trưng khác.

Trợ giúp xã hội

Chu kỳ 11 (1996)

Chu kỳ thứ nhất (1985) và Chu kỳ 6 (1991) của ĐTXH là về y tế. Với Điều tra sức khỏe dân số quốc gia trong năm 1994, đây là khoảng thời gian ngắn về thời gian thu thập số liệu về sức khỏe. Cuộc điều tra này được thực hiện với tâm điểm mới và trợ giúp xã hội. Trợ giúp xã hội không phải là một chủ đề mới trong ĐTXH, tuy nhiên chu kỳ này đã mở rộng khái niệm. Mục tiêu và phạm vi của chu kỳ 11 là để hiểu được động lực giữa mạng lưới cá nhân và sự giúp đỡ

đã cung cấp và nhận được, và xác định bản chất của sự giúp đỡ và cung cấp.

Một “mạng lưới xã hội” gồm: các cặp vợ chồng, gia đình, bạn bè, hàng xóm, người cùng làm hay bất kỳ tổ chức nào (gồm cả những người tình nguyện và những người làm công) xung quanh một cá nhân. Điều tra xã hội năm 1996 tập trung vào sự giúp đỡ đã cho và nhận được trong cả những thời kỳ khó khăn tạm thời hoặc bắt buộc phải có thêm trợ giúp do những hạn chế về thể chất hoặc sức khỏe lâu dài cho các hoạt động hàng ngày ở trong hoặc ngoài gia đình.

Chu kỳ 11 sử dụng phương pháp thu thập thông tin qua phân loại các hoạt động giúp đỡ do hạn chế về thân thể hoặc hạn chế về sức khỏe lâu dài của người trả lời. Bốn nhóm cơ bản về các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày theo phân loại gồm có: chăm sóc con cái; chuẩn bị bữa ăn và dọn dẹp, lau nhà, giặt giũ và khâu vá, trông nom nhà cửa và công việc bên ngoài; mua thực phẩm và các đồ dùng cần thiết; chuyên chở, trả tiền ngân hàng và thanh toán; và chăm sóc cá nhân.

Thông tin chi tiết về giúp đỡ theo từng giai đoạn do có khó khăn tạm thời cũng được thu thập nhưng không phân loại những người giúp đỡ và những người nhận giúp đỡ.

Tiếp cận và sử dụng Công nghệ thông tin

Chu kỳ 14 (2000)

Chủ đề chính của Chu kỳ điều tra 14 là tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là máy tính và Internet. Đây là chu kỳ đầu tiên ĐTXH thu thập thông tin chi tiết về tiếp cận và sử dụng công nghệ của cá

nhân. Chu kỳ 4 và chu kỳ 9 đã có các câu hỏi về sử dụng máy tính, được xem là một phần của công việc và tâm điểm của giáo dục. Vì có rất nhiều nội dung về giáo dục và việc làm đã được đưa vào các cuộc điều tra khác (cụ thể là điều tra nơi làm việc và điều tra người lao động) và đã có sự quan tâm nhiều về ảnh hưởng đối với xã hội về công nghệ, chu kỳ ĐTXH 14 tập trung vào sử dụng máy tính và Internet, sự tác động của công nghệ đối với bí mật riêng tư và tiếp cận thông tin liên quan đến sự bền chặt về mặt xã hội đối với các gia đình và cộng đồng.

Trợ giúp xã hội và già hoá

Chu kỳ 16 (2002)

Chu kỳ 16 gồm các chủ đề về trợ giúp xã hội cho dân số cao tuổi. Điều tra xã hội chu kỳ này thu thập số liệu về người già đã được cung cấp và nhận được giúp đỡ. Đồng thời, điều tra thu thập thông tin về quá độ về nghỉ hưu, kế hoạch nghỉ hưu cũng như các chủ đề khác về dân số cao tuổi. Đối tượng điều tra là những người từ 45 tuổi trở lên. Mẫu điều tra của chu kỳ này được chọn từ những người trả lời trong cuộc điều tra sức khỏe cộng đồng Canada năm 2000.

Tham gia xã hội

Chu kỳ 17 (2003)

Đây là chu kỳ đầu tiên của ĐTXH điều tra chủ đề về vốn xã hội ở Canada. Các chủ đề điều tra gồm có tình trạng sức khỏe, tham gia xã hội, tham gia công dân, trách nhiệm và các giá trị. Số liệu của cuộc điều tra chu kỳ 17 đã được công bố vào tháng 4/2004■

Nguyễn Thái Hà (Chọn và giới thiệu)

Nguồn : The General Social Survey and overview
<http://www.Statcan.ca/english/freepub>